

I- Bài tập về đọc hiểu

Thả điều

Cánh điều no gió

Sáo nó thổi vang

Sao trời trôi qua

Điều thành trắng vàng.

Cánh điều no gió

Tiếng nó trong ngân

Điều hay chiếc thuyền

Trôi trên sông Ngân.

Cánh điều no gió

Tiếng nó chơi vơi

Điều là hạt cau

Phơi trên nong trời.

Trời như cánh đồng

Xong mùa gặt hái

Điều em – lưỡi liềm

Ai quên bỏ lại.

Cánh điều no gió

Nhạc trời reo vang

Tiếng điều xanh lúa

Uốn cong tre làng.

Ơi chú hành quân

Cô lái máy cày

Có nghe phơi phơi

Tiếng điều lượn bay?

(Trần Đăng Khoa)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng

Câu 1. Cánh điều được so sánh với những hình ảnh nào?

- a- trắng vàng, chiếc thuyền, lưỡi liềm, sao trời
- b- trắng vàng, chiếc thuyền, hạt cau, lưỡi liềm
- c- trắng vàng, chiếc thuyền, sông Ngân, hạt cau

Câu 2. Dòng nào dưới đây nêu đúng 3 từ ngữ tả âm thanh của tiếng sáo điều?

- a- trong ngân, chơi vơi, reo vang
- b- trong ngân, phơi phơi, reo vang
- c- trong ngân, phơi phơi, lượn bay

Câu 3. Hai câu thơ “Tiếng điều xanh lúa / Uốn cong tre làng” ý nói gì?

- a- Tiếng sáo điều nhuộm xanh cả đồng lúa và uốn cong lũy tre làng.
- b- Tiếng sáo điều làm lúa lên xanh hơn, cây tre làng uốn cong hơn.
- c- Tiếng sáo điều hay đến mức khiến đồng lúa, lũy tre trở nên đẹp hơn.

Câu (4). Ý chính của bài thơ là gì?

- a- Tả vẻ đẹp của trắng vàng trên bầu trời quê hương.
- b- Tả vẻ đẹp của bầu trời và cánh đồng lúa quê hương.

c- Tả vẽ đẹp của cánh diều bay lượn trên bầu trời quê.

II- Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn:

Câu 1. Điền vào chỗ trống tiếng bắt đầu bằng l hoặc n:

Sông (1).....uốn khúc giữa (2)rồi chạy dài bất tận. Những bờ tre xanh vun vút chạy dọc theo bờ sông. Tối tối, khi ông trăng tròn vắt ngang ngọn tre soi bóng xuống dòng sông (3)lánh thì mặt (4).....gợn sóng,(5).....linh ánh vàng. Chiều chiều, khi ánh hoàng hôn buông xuống, em (6).....ra sông hóng mát. Trong sự yên (7).....của dòng sông, em nghe rõ cả tiếng thì thảo của hàng tre xanh và cảm thấy thanh thoi, trong sáng cả tâm (8).....

(Theo Dương Vũ Tuấn Anh)

(Gợi ý lựa chọn: (1) lằm/nằm; (2) làng/ nàng; (3) lấp/ nấp; (4) lược / nước; (5) lung/ nung; (6) lại /nại; (7) lặng/ nặng; (8) lòng/ nòng)

Câu 2. a) Gạch dưới những câu kể Ai làm gì? Trong đoạn văn sau:

(1) Khi biết bà đi chợ, tất cả chúng tôi, sáu, bảy đứa cháu của bà loan tin cho nhau rất nhanh. (2) Thế là, sáng hôm ấy, dù làm gì thì cỡ chín, mười giờ, chúng tôi cũng về đông đủ ở ngõ nhà. (3) Trong khi chờ đợi, chúng tôi đánh khăng, chơi khăng, chơi khăng, chơi quay. (4) Khi thấy bà về, chúng tôi bỏ ngay con khăng, chạy ủa ra túm lấy áo bà. (5) Chúng tôi giậm chân, vỗ tay kéo về sân nhà. (6) Bà tôi từ từ hạ thúng xuống. (7) Ôi, một chiếc bánh đa vùng to như cái vĩ nằm ở trên cùng. (8) Bà tôi bẻ ra từng mẩu bằng bàn tay chia cho từng đứa một. (9) Chúng tôi ăn rau rầu. (10) Bánh đa giòn quá, có vị bùi của vùng, có vị ngọt của mật. (11) Bà ngồi nhìn các cháu ăn ngon lành, cười sung sướng.

(Theo M. Hùng)

b) Chọn 3 câu kể Ai làm gì? Trong đoạn văn trên và ghi chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu vào bảng:

Chủ ngữ Trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?	Vị ngữ Trả lời cho câu hỏi: Làm gì?
M: (1) tất cả chúng tôi, sáu, bảy đứa cháu của bà	loan tin cho nhau rất nhanh

Câu 3. Chữa dòng sau thành câu đúng theo 2 cách khác nhau (a, b):

Hình ảnh bà ngồi ở bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành.

a) Bỏ đi một từ

.....
.....

b) Thêm bộ phận vị ngữ

.....
.....

Câu 4. Viết đoạn văn ở phần thân bài (khoảng 6 câu) tả một đồ dùng học tập của em.

Gợi ý: Em có thể viết đoạn văn tả bao quát hoặc đoạn văn tả chi tiết một đồ dùng học tập. Khi tả bao quát, cần nêu những đặc điểm về hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu, những điểm nổi bật về cấu tạo... của đồ dùng học tập được chọn; chú ý dùng nhiều từ ngữ gợi tả, dùng cách so sánh, nhân hóa để làm cho đoạn văn sinh động, hấp dẫn.

.....

.....

.....

.....

.....

Đáp án:

Phần I

1. b

2. a

3. c

(4). c

Phần II

Câu 1.

(1) nằm (2) làng (3) lấp (4) nước (5) lung (6) lại (7) lặng (8) lòng.

2. a) Gạch dưới những câu kể Ai làm gì? (không kể M)

(2) (3) (4) (5) (6) (8) (9) (11)

b) Ghi chủ ngữ, vị ngữ của 3 câu, VD:

Chủ ngữ	Vị ngữ
(2) chúng tôi	cũng về đông đủ ở ngõ nhà
(3) chúng tôi	đánh khăn, chơi khăn, chơi quay
(4) chúng tôi	bỏ ngay con khăn, chạy ủa ra túm lấy áo bà

Câu 3. VD: a) Bà ngồi trên bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành.

b) Hình ảnh bà ngồi ở bậc cửa mỉm cười nhìn các cháu ăn bánh đa ngon lành còn in đậm trong trí nhớ của tôi.

Câu 4. Tham khảo (đoạn văn tả chiếc bút mực)

Cây bút nhỏ nhắn, xinh xinh dài bằng một gang tay, tròn trĩnh như ngón tay trỏ. Nắp bút làm bằng mạ kền vàng óng ả. Trên nắp bút có khắc dòng chữ Hồng Hà ánh vàng. Thân bút là một ống nhỏ bằng nhựa màu đen, trơn bóng, càng về sau càng thót lại như búp măng non. Mở nắp bút, hiện lên trước mắt em là một chiếc ngòi nhỏ xiu sáng lấp lánh. Em xoay thân bút theo chiều kim đồng hồ để lấy mực. Chiếc ruột gà làm bằng cao su, sau nhiều ngày nhin đối bỗng được bữa no nê. Trong ruột gà, có một ống nhỏ, như que tăm dùng để dẫn mực.